

Thành phố SL, ngày 20 tháng 7 năm 2023

Số: 127/2023/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2023/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2023 về ly hôn giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Cà Thị Ánh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Bản Ngoại, xã Chiềng Cọ, thành phố SL, tỉnh SL.

* *Bị đơn*: Anh Lò Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản Chậu Cọ, phường Chiềng Cời, thành phố SL, tỉnh SL.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Cầm Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Bản Ngoại, xã Chiềng Cọ, thành phố SL, tỉnh SL.

- Anh Lò Văn M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Bản Bằng Phọt, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh SL.

Căn cứ khoản 3 Điều 147, 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 12 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 12 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cà Thị Ánh T và anh Lò Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) *Về con chung*: Anh Lò Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Lò Duy H, sinh ngày 16/9/2010 và cháu Lò Thị Lệ Q,

sinh ngày 27/01/2012 đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Cà Thị Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Lò Văn T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

b) Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Cà Thị Ánh T và anh Lò Văn T tại biên bản thỏa thuận ngày 06/7/2023 và không yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể: Giao 01 chiếc xe mô tô Vision BKS 26B 515.99 cho anh Lò Văn T trực tiếp sử dụng. Anh Lò Văn T phải cho chị Cà Thị Ánh T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), thời hạn chậm nhất vào ngày 31/12/2023.

c) Về tài sản riêng: Không có.

d) Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Cà Thị Ánh T và anh Lò Văn T tại biên bản thỏa thuận ngày 06/7/2023 và không yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể:

+ Chị Cà Thị Ánh T phải trả nợ cho bà Cẩm Thị N số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng). Thời gian trả nợ cho bà N chậm nhất vào ngày 31/12/2023.

+ Anh Lò Văn T phải trả nợ cho bà Cẩm Thị N số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng). Trả cho anh Lò Văn M số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Tổng hai khoản nợ là 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng). Thời hạn chậm nhất trả nợ vào ngày 31/12/2023.

đ) Về án phí: Chị Cà Thị Ánh T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại cho chị Cà Thị Ánh T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2021/0002645, ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SL, tỉnh SL.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND TP SL;
- Chi cục THADS TP SL;
- UBND xã Chiềng Cọ, thành phố SL, tỉnh SL (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự, người có QLNV liên quan;
- Lưu: hồ sơ, lưu án văn.

THẨM PHÁN

Đào Thị Quỳnh Trang